

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GHR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ GHR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GHR TRADING AND SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TM&DV GHR

2. Mã số doanh nghiệp: 0109733478

3. Ngày thành lập: 13/08/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

N3-SH21 Miprec City View, Phố Hoàng Công , Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982291084

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động (Điều 21 Nghị định 145/2020/NĐ-CP)	7830(Chính)
2.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
3.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
4.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
5.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ (Điều 11 Số: 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)	8010
6.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
7.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
8.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
9.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
10.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700

11.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Môi giới chuyển giao công nghệ (Khoản 1 Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ 2017) - Tư vấn chuyển giao công nghệ (Khoản 2 Điều 45 Luật Chuyển giao công nghệ 2017)	7490
12.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (Điều 9, Quyết định số 05/2013/QĐ-TTg ngày 15/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập) - Tư vấn giáo dục, - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể và tôn giáo)	8559
14.	Đào tạo trung cấp	8532
15.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
16.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
17.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
18.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
22.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
25.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
26.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
27.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
28.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
29.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ dùng phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ điện; Bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
31.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
33.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh vận tải bằng ô tô)	4933
34.	Bán buôn tổng hợp	4690
35.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
36.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết:- Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (Điều 9 Nghị định 67/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/7/2016 Quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ y tế)	4632
37.	Dịch vụ đóng gói	8292
38.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại)	8299
39.	Quảng cáo (Trừ loại Nhà nước cấm)	7310
40.	Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí) Chi tiết: - Hoạt động thương mại điện tử (Nghị định 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử) - Thiết lập mạng xã hội (Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 72/2013/NĐ-Cp ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng) - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 72/2013/NĐ-Cp ngày 15/07/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng)	6312

41.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
42.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
43.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua Hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
44.	Xuất bản phần mềm	5820
45.	Lập trình máy vi tính	6201
46.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
47.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
48.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
51.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
52.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
53.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
54.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
55.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
57.	Đại lý du lịch	7911
58.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Điều 32 Luật du lịch số 09/2017/QH14) - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Điều 33 Luật du lịch số 09/2017/QH14)	7912
59.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
60.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
61.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634

64.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
69.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh điện thoại, sim thẻ điện thoại và linh phụ kiện điện thoại	4652
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Kinh doanh dịch vụ logistic (Điều 5 Nghị định 140/2007/NĐ – CP của Chính phủ ngày 05/09/2007)	5229
72.	Bưu chính Chi tiết: Hoạt động bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh (Theo điểm a khoản 1 điều 5 nghị định 47/2011/NĐ-CP)	5310
73.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)	6190
74.	Xây dựng nhà để ở	4101
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102
76.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình điện	4221
79.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
80.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
81.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
82.	Xây dựng công trình thủy	4291
83.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
84.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
85.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
86.	Phá dỡ	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

89.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
90.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
91.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
92.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
93.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
94.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
95.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
96.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
97.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
98.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
99.	Bốc xếp hàng hóa	5224
100.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
101.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
102.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VĂN PHÚC HUÂN	Tổ 8, Thị Trấn Bằng Lũng, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	095028467	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		
2	TRINH CÔNG CHỈNH	Tổ dân phố Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	0300830000 47	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000		

3	ĐỖ NGỌC CẢNH	Số 7, ngõ 243/2 Trung Văn, TDP số 15, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	30,000	033083005330
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	60.000	600.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **VĂN PHÚC HUÂN** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Tổng giám đốc*
 Sinh ngày: *29/10/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *095028467*
 Ngày cấp: *07/12/2013* Nơi cấp: *Công an Tỉnh Bắc Kạn*
 Địa chỉ thường trú: *Tổ 8, Thị trấn Bằng Lũng, Huyện Chợ Đồn, Tỉnh Bắc Kạn, Việt Nam*
 Địa chỉ liên lạc: *Phòng 1608CT1B, Chung cư Nam Đô, 609 Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội